

Rx Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc

Statripsine

- Tên thuốc**
Statripsine
- Các dấu hiệu lưu ý và khuyến cáo khi dùng thuốc**
Đề xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
- Thành phần công thức thuốc**
Thành phần hoạt chất:
Alphachymotrypsine 4,2 mg
(tương đương alphachymotrypsine 21 microkatal)
Thành phần tá dược:
Compressible sugar, bột mùi bạc hà, aspartam, magnesi stearat.
- Dạng bào chế**
Viên nén:
Viên nén tròn, màu trắng, hai mặt bằng, trơn.
- Chỉ định**
Điều trị phù nề sau chấn thương, phẫu thuật, bỏng.
- Cách dùng, liều dùng**
Cách dùng
Statripsine được dùng uống hoặc ngậm dưới lưỡi.
Liều dùng
- Uống (viên 21 microkatal): 2 viên/lần, ngày 3 - 4 lần, uống không nhai.
- Ngậm dưới lưỡi: 4 - 6 viên/ngày.
- Chống chỉ định**
- Dị ứng với các thành phần của thuốc.
- Alphachymotrypsine chống chỉ định với bệnh nhân giảm alpha-1 antitrypsin. Nhìn chung, những bệnh nhân bị phổi tắc nghẽn mãn tính (COPD), đặc biệt là khi phế quản, và những bệnh nhân bị hội chứng thận hư là các nhóm đối tượng có nguy cơ giảm alpha-1 antitrypsin.
- Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc**
- Alphachymotrypsine nhìn chung được dung nạp tốt và không gây tác dụng phụ đáng kể.
- Những bệnh nhân không nên điều trị bằng enzym bao gồm những người bị rối loạn đông máu có di truyền gọi là bệnh ưa chảy máu, những người bị rối loạn đông máu không có yếu tố di truyền, những người vừa trải qua hoặc sắp trải qua phẫu thuật, những người dùng liệu pháp trị liệu kháng đông, những người bị dị ứng với các protein, phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con bằng sữa mẹ, bệnh nhân bị loét dạ dày.
- Statripsine chứa aspartam. Aspartam là nguồn tạo ra phenylalanine, có thể gây hại cho bệnh nhân bị bệnh phenylketon niệu (PKU), một rối loạn di truyền hiếm gặp gây tích lũy phenylalanine do cơ thể không thể đào thải thích hợp.
- Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú**
Không nên sử dụng alphachymotrypsine cho phụ nữ đang mang thai và cho con bú.
- Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc**
Chưa có tài liệu.
- Tương tác, tương kỵ của thuốc**
Tương tác của thuốc
Alphachymotrypsine thường dùng phối hợp với các thuốc dạng enzym khác để gia tăng hiệu quả điều trị. Thêm vào đó, chế độ ăn uống cân đối hoặc sử dụng vitamin và bổ sung muối khoáng được khuyến cáo để gia tăng hoạt tính alphachymotrypsine.

- Một vài loại hạt như hạt đậu jojoba (ở Mỹ), hạt đậu nành đại có chứa nhiều loại protein ức chế hoạt tính của alphachymotrypsine. Các loại protein này có thể bị bất hoạt khi đun sôi.
 - Không nên sử dụng alphachymotrypsine với acetylcystein, một thuốc dùng để làm tan đàm ở phổi. Không nên phối hợp alphachymotrypsine với thuốc kháng đông (máu loãng) vì làm gia tăng hiệu lực của chúng.
- Tương kỵ của thuốc**
Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.
- Tác dụng không mong muốn của thuốc**
- Không có bất kỳ tác dụng không mong muốn lâu dài nào do sử dụng alphachymotrypsine ngoại trừ các đối tượng đã nêu trong mục thận trọng.
- Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng ở liều thường dùng các enzym không được phát hiện trong máu sau 24 - 48 giờ. Các tác dụng phụ tạm thời có thể thấy (nhưng biến mất khi ngưng điều trị hoặc giảm liều) thay đổi màu sắc, độ rắn và mùi của phân. Một vài trường hợp đặc biệt có thể bị rối loạn tiêu hóa như đầy hơi, nặng bụng, tiêu chảy, táo bón hoặc buồn nôn.
- Với liều cao, phản ứng dị ứng nhẹ như đỏ da có thể xảy ra.
 - Quá liều và cách xử trí**
Chưa có tài liệu.
 - Đặc tính dược lực học**
Nhóm dược lý: Thuốc khác về huyết học; Các enzym.
Mã ATC: B06AA04.
Alphachymotrypsine là enzym được điều chế bằng cách hoạt hóa chymotrypsinogen, chiết xuất từ tụy bò. Alphachymotrypsine là enzym thủy phân protein có tác dụng xúc tác chọn lọc đối với các liên kết peptid ở liên kề các acid amin có nhân thơm.
Alphachymotrypsine được sử dụng nhằm giảm viêm và phù mô mềm do áp xe và loét, hoặc do chấn thương và nhằm giúp làm lỏng các dịch tiết đường hô hấp trên ở người bệnh hen, viêm phế quản, các bệnh phổi và viêm xoang.
 - Đặc tính dược động học**
Chưa có tài liệu.
 - Quy cách đóng gói**
Hộp 2 vỉ x 10 viên.
Hộp 5 vỉ x 10 viên.
 - Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc**
17.1. Điều kiện bảo quản
Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô, tránh ánh sáng và tránh ẩm. Nhiệt độ không quá 25°C.
17.2. Hạn dùng
36 tháng kể từ ngày sản xuất.
17.3. Tiêu chuẩn chất lượng
ĐBVN.
 - Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc**



Công ty TNHH LD Stellapharm - Chi nhánh 1
Số 40 đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore,
P. An Phú, Tp. Thuận An, T. Bình Dương, Việt Nam
ĐT: (+84 274) 3767 470. Fax: (+84 274) 3767 469